

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Hồng Thái

2. Ông Nguyễn Thanh Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2021/TLST - HNGĐ, ngày 13/10/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị S, sinh năm 1992 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Triệu Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm V, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị S trình bày: Tôi kết hôn với anh Triệu Văn N năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc có đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ tôi tại xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh N ra ngoài đi làm ăn và có quan hệ ngoài luồng, không tôn trọng tôi, ngoài ra còn xúc phạm tôi nên dẫn đến vợ chồng sút mẻ tình cảm. Tôi là vợ có quyền can ngăn khuyên bảo nhưng không có kết quả, anh N không nghe nên anh N đã bỏ đi làm ăn khoảng 4 năm nay, tôi phải sinh con và nuôi con một mình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh N có 01 con chung cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 18/10/2017, hiện nay con chung đang ở với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh N bỏ đi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con, tôi không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi và anh N không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không vay nợ ai chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn N nhiều lần đến giải quyết, tuy nhiên anh N không có mặt, Tòa án đã lập biên bản làm việc với đại diện gia đình anh N là ông Triệu Văn Q (là cậu ruột của anh N) và bà Đặng Thị H (là vợ anh N), do mẹ đẻ anh N đã chết, anh N không xác định được bố đẻ, anh N đã được cậu ruột là ông Triệu Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh N mới sinh và hộ khẩu thường trú của anh N tại gia đình nhà cậu ruột anh N (ông Triệu Văn Q), Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho đại diện gia đình, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Triệu Văn N vẫn vắng mặt, không lý do. Tòa án đã lập biên bản xác minh, làm việc với gia đình anh N, tại các biên bản làm việc ông Triệu Văn Q và bà Đặng Thị H (là cậu ruột của anh N và vợ của anh N) cung cấp: Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án xin ly hôn theo đơn của chị S, tuy nhiên hiện tại anh N đi làm ăn nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được, ông Q, bà H có liên lạc và thông báo cho anh N biết việc nội dung các văn bản của Tòa án triệu tập anh nhưng anh N cũng không về Tòa án để giải quyết, anh N còn nói hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, do công việc bận không về Tòa án giải quyết được, anh N cũng không cho ông Quý, bà Hoài biết địa chỉ cụ thể anh chỉ nói chuyện điện thoại và ông Q, bà H chỉ biết anh N hiện nay đang đi làm ăn tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, anh N có nói nếu Tòa án có triệu tập anh cũng không về giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị S giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) mang tên Triệu Thị S và Triệu Văn N; 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Triệu Văn D; 01 giấy khai sinh của con chung (bản sao) mang tên Triệu Thanh T; 01 giấy chứng minh nhân dân của chị S (bản sao). Anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do vậy anh không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Triệu Thị S được ly hôn anh Triệu Văn N.

+ Về con chung: Giao con chung Triệu Thanh T, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Triệu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung, về tài sản không đề nghị Tòa án xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Triệu Văn N cư trú tại xóm Đ, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Triệu Văn N vắng mặt tại phiên tòa (lần 2) đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án đã thực hiện việc giao các văn bản tố tụng cho đại diện gia đình và thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Triệu Văn N theo quy định. Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Triệu Thị S và anh Triệu Văn N kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn phía chị S cho rằng anh N có quan hệ ngoại tình, không tôn trọng chị, ngoài ra anh N còn xúc phạm chị, việc anh N có quan hệ ngoại tình chị S là vợ đã khuyên bảo và can ngăn nhưng vẫn không có kết quả, anh N đã bỏ đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa chị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Triệu Văn N và xin được quyền trực tiếp nuôi con chung. Phía anh Triệu Văn N vắng mặt tại phiên tòa và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặt dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã lập biên bản làm việc với ông Triệu Văn Q (là cậu ruột của anh N, do mẹ đẻ anh N đã chết, anh N không xác định được bố đẻ và bà Đặng Thị H (là mẹ của anh N), ông Q, bà H cho biết gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần giấy triệu tập của Tòa án triệu tập anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh N đi làm ăn nên không thể đến Tòa án để giải quyết

việc ly hôn được, ông, bà có liên lạc bằng điện thoại và thông báo cho anh N biết việc nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N cũng không về Tòa án để giải quyết, anh có nói lại với gia đình là việc vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án, hiện nay anh đang đi làm tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, công việc bận, Tòa án có triệu tập anh cũng không về. Còn về quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị S kết hôn năm 2015, ông Q là cậu ruột của anh N có tổ chức đám cưới cho hai cháu theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, hai vợ chồng N, S có 01 con chung hiện nay đang ở với cháu S vì khi kết hôn xong, cháu N ở rể (ở tại gia đình nhà chị S) xã V, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Ngoài ra cuộc sống vợ chồng hai cháu S, N chung sống và mâu thuẫn như thế nào gia đình không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị S và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2016 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2004 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị S là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị S, cho chị Triệu Thị S được ly hôn với anh Triệu Văn N là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị S xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 18/10/2017. Hiện nay cháu T đang ở với chị S, do chị S trực tiếp nuôi dưỡng từ khi cháu T sinh ra. Quá trình giải quyết phía chị S có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị chỉ rằng từ khi chị sinh cháu Trà, anh N không có nghĩa vụ và không cấp dưỡng, không hỏi thăm gì con chung, tại phiên tòa chị có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử xét nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung của chị S thấy, cháu T từ khi sinh ra vẫn do chị S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, cháu T là nữ, vẫn còn nhỏ việc chị S trực tiếp chăm sóc sẽ thuận lợi, hơn nữa từ khi cháu T sinh ra anh N cũng không chăm sóc, nuôi dưỡng và không đóng góp gì cho chị S về việc cùng chị S nuôi con chung. Do đó xét nguyện vọng của chị S xin được quyền trực tiếp nuôi con chung là có căn cứ nên cần giao con chung Triệu Thanh T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp, trừ trường hợp chị S, anh N có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị Sinh không đề nghị gì.

Về quyền thăm nom con chung: Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị S không xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không vay nợ ai chung nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí LHST theo quy định sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị S cho chị S được ly hôn anh Triệu Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Thanh T, sinh ngày 18/10/2017 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị S, anh N có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh N được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị S phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013547 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã Vạn Thủy, h. Bắc Sơn;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI